

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH LƯU
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 26/12/2023

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH LƯU, TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Nghệ

Các hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Hữu Thỏa và ông Đậu Cao Nhu.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu tham gia phiên toà:
Bà Nguyễn Mai Anh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 346/2023/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 11 năm 2023 về việc ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 160/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 90/2023/QĐST-HNGĐ ngày 15/12/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1992. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Hồ Đức T1, sinh năm 1988. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn D, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 11 năm 2023 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hồ Đức T1 đăng ký kết hôn ngày 05 tháng 3 năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã Q, trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xóm D, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T1 thường xuyên rượu chè, chửi bới vợ con. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 10 năm 2023 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị xin ly hôn anh Hồ Đức T1.

Về con chung: Vợ chồng có ba con chung là Hồ Gia H, sinh ngày 16/3/2013; Hồ Bảo N, sinh ngày 18/11/2014 và Hồ Thiện N1, sinh ngày 15/7/2016. Ly hôn chị xin được nuôi con chung là Hồ Bảo N và Hồ Thiện N1, đề nghị giao con Hồ Gia H cho anh Trung trực t nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn, thông báo kết quả phiên họp nhưng bị đơn anh Hồ Đức T1 vắng mặt không có lý do.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/11/2023 của anh Hồ Đức T1 trình bày: Anh thừa nhận thời gian, địa điểm và điều kiện kết hôn như chị T trình bày. Quá trình chung sống vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì. Hiện nay chị T yêu cầu ly hôn anh không đồng ý vì tình cảm vợ chồng vẫn còn. Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Hồ Gia H, sinh ngày 16/3/2013; Hồ Bảo N, sinh ngày 18/11/2014 và Hồ Thiện N1, sinh ngày 15/7/2016. Trường hợp ly hôn, anh đề nghị nuôi dưỡng cả ba con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng. Về tài sản chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các bản tự khai ngày 20/11/2023, cháu Hồ Gia H có nguyện vọng ở với bố, cháu Hồ Bảo N và Hồ Thiện N1 cùng có nguyện vọng ở với mẹ.

Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Q: Chị Nguyễn Thị T và anh Hồ Đức T1 có hộ khẩu thường trú tại thôn D, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Chị T và anh T1 đăng ký kết hôn vào ngày 05/3/2012 tại UBND xã Q, hôn nhân đủ điều kiện theo quy định của pháp luật. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai vợ chồng UBND xã không biết vì không qua hòa giải tại địa phương. Về con chung: Vợ chồng có ba con chung là Hồ Gia H, sinh ngày 16/3/2013; Hồ Bảo N, sinh ngày 18/11/2014 và Hồ Thiện N1, sinh ngày 15/7/2016. Hiện nay cả ba con đang ở cùng chị T và anh T1. Nay chị T làm đơn xin ly hôn, tranh chấp nuôi con đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu phát biểu như sau:

-Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm quyền thụ lý vụ án; quan hệ tranh chấp; hồ sơ vụ án được lập đầy đủ, đánh số bút lục; xác định tư cách nguyên đơn, bị đơn; xác minh, thu thập chứng cứ; Việc tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu, chứng cứ và phiên hoà giải; thời hạn giải quyết vụ án; tổng đạt các văn bản tố tụng đều thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng. Hội đồng xét xử và thư ký phiên toà đã tuân thủ các quy

định của BLTTDS. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn có lúc còn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 147, khoản 5 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Về tình cảm: Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Hồ Đức T1.

Về con chung: Giao con chung Hồ Gia H, sinh ngày 16/3/2013 cho anh T1 nuôi dưỡng, giao con chung là Hồ Bảo N, sinh ngày 18/11/2014 và Hồ Thiện N1, sinh ngày 15/7/2016 cho chị T trực tiếp chăm sóc. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Chị T, anh T1 có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn, tranh chấp nuôi con với anh Hồ Đức T1 đây là vụ án: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng năm 2015. Anh Hồ Đức T1 có nơi thường trú tại thôn D, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

Về việc xét xử vắng mặt: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn và thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, Quyết định đưa vụ án ra xét xử lần thứ nhất, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào quy định tại điều Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Hồ Đức T1 là hợp pháp, tuân thủ các điều kiện kết hôn theo luật định. Quá trình chung

sống do tính cách vợ chồng không hợp nhau, anh T1 thường xuyên rượu chè không chú tâm làm ăn, thường xuyên chửi bới nên nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Tình cảm ngày càng phai nhạt, việc đoàn tụ để xây dựng hạnh phúc gia đình là không thể. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh T1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cần áp dụng điều 51, 56 luật hôn nhân gia đình xử cho chị T được ly hôn anh T1.

[3] Về con chung: Nguyên vọng xin được nuôi con của chị T và anh T1 là chính đáng, thể hiện trách nhiệm và nghĩa vụ đối với các con. Việc một người nuôi dưỡng cả ba con chung sẽ khó khăn về kinh tế và không đảm bảo được điều kiện nuôi dưỡng chăm sóc cho các con. Cháu H có nguyện vọng ở cùng anh T1, cháu N và cháu N1 có nguyện vọng ở cùng chị T. Do đó, để đảm bảo tâm sinh lý của các con cũng như khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng con trưởng thành, cần giao con Hồ Gia H cho anh Trung trực t nuôi dưỡng, giao con Hồ Bảo N và Hồ Thiện N1 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T và anh T1 không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên miễn xét.

[4] Về tài sản: Không ai yêu cầu giải quyết về tài sản nên miễn xét.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228 ; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Hồ Đức T1.

2. Về con chung: Giao con chung là Hồ Gia H, sinh ngày 16/03/2013 cho anh Hồ Đức Trung trực t1 nuôi dưỡng. Giao con chung là Hồ Bảo N, sinh ngày 18/11/2014 và Hồ Thiện N1, sinh ngày 15/7/2016 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị Nguyễn Thị T và anh Hồ Đức T1 vì không ai yêu cầu.

Chị Nguyễn Thị T, anh Hồ Đức T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở

3. Về tài sản: Không ai yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005277, ngày 07 tháng 11 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Lưu.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Quỳnh Lưu;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Lưu;
- UBND xã Q (số 13/2012);
- Đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nghệ